

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Quản trị khách sạn
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Quản trị khách sạn
Tên Tiếng Anh	: Hotel Management
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Khóa học	: 2016 – 2020
Mã số	: 52340107

(Ban hành kèm theo Quyết định số. 299./QĐ – NTT, ngày 27 tháng 06 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong lĩnh vực khách sạn, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Sinh viên ngành Quản trị khách sạn của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành được trang bị những kiến thức chuyên môn về quản trị doanh nghiệp, về phương pháp lập kế hoạch kinh doanh, về tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập nên các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp Nhà hàng Khách sạn với nhiều quy mô và cấp độ khác nhau.
- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong các đơn vị kinh doanh thuộc lĩnh vực Khách sạn, kể cả các Khách sạn do người nước ngoài đầu tư. Cũng sau khi đã tốt nghiệp, nếu có nguyện vọng và hội đủ điều kiện theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên có thể tiếp tục học thêm để lấy văn bằng II hoặc những văn bằng cao hơn.

1.2.2. Về kỹ năng

Có kỹ năng trực tiếp tham gia làm mọi việc trong các Khách sạn, có năng lực để đảm nhận vai trò quản lý hoặc điều hành hoạt động Khách sạn, có kỹ năng giải quyết những tình

huống do thực tế đặt ra, có kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp và kỹ năng làm việc theo nhóm...

1.2.3. Về thái độ

Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân, có tác phong và thái độ phục vụ chuyên nghiệp, có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong những nhiệm vụ được giao phó.

1.3. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp:

❖ Về năng lực chuyên môn:

- Đủ khả năng đảm nhận mọi nhiệm vụ trong Khách sạn từ những nhân viên bình thường đến các vị trí cao trong hệ thống các Khách sạn.
- Có thể làm chuyên viên trong các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước về Khách sạn.
- Làm việc trong các Viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo về Khách sạn và các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau.

❖ Về khả năng quản lý và điều hành:

- Có thể đảm nhận các nhiệm vụ giám sát, điều hành ở các bộ phận trực tiếp cung ứng dịch vụ hoặc làm chuyên viên cho bộ phận chức năng trong những cơ sở kinh doanh Khách sạn.
- Có thể đảm nhận nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động của Khách sạn thuộc nhiều quy mô và đẳng cấp khác nhau.
- Có thể làm chủ đầu tư hoặc chuyên gia quản lý doanh nghiệp về Khách sạn.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 152 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm, với 12 kỳ, trong đó 10 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo và 1 kỳ thực tập tại các địa phương và cơ sở, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.
- Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:

A – (8,5 -> 10): GIỎI.

B – (7 -> 8,4): KHÁ

C – (5,5 -> 6,9): TRUNG BÌNH

D – (4 -> 5,4): TRUNG BÌNH YẾU.

b. Loại không đạt:

F – (dưới 4): KÉM.

Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

A tương ứng với 4.

B tương ứng với 3.

C tương ứng với 2.

D tương ứng với 1.

F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 44 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	070010(a)
3	070002	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	3	45	0	070010(a)
		Tổng	10	150	0	

7.1.2. Khoa học xã hội – Nhân văn nghệ thuật: 6 tín chỉ

7.1.2.1. Kiến thức bắt buộc: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	
5	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	
		Tổng	6	90	0	

7.1.2.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
6	070021	Tiếng Việt thực hành	2	30	0	
7	071491	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	30	0	
8	071350	Logic học	2	30	0	

7.1.3. Ngoại ngữ: 24 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
9	070407	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
10	070408	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	070407(a)
11	070409	TOEIC 1	3	30	30	070408(a)
12	070410	TOEIC 2	3	30	30	070409(a)
13	070411	TOEIC 3	3	30	30	070410(a)
14	070412	TOEIC 4	3	30	30	070411(a)
15	001799	TOEIC 5	3	30	30	070412(a)
16	071104	TOEIC 6	3	30	30	001799(a)
		Tổng	24	240	240	

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
17	070405	Tin học văn phòng 1	2	0	60	
18	070406	Tin học văn phòng 2	2	0	60	070405(a)
		Tổng	4	0	120	

7.1.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
19	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90	
		Tổng	5	15	90	

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
20	070022	Giáo dục quốc phòng	8	90	30	
		Tổng	8	90	30	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 108 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 18 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 14 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
21	070354	Quản trị học	2	30	0	
22	071643	Tâm lý khách du lịch <i>R</i>	2	30	0	
23	072837	Xã hội học đại cương <i>R</i>	2	30	0	
24	071644	Tổng quan du lịch	2	30	0	
25	073001	Quản trị chiến lược	3	45	0	
26	073002	Quản trị Marketing 1 <i>R</i>	3	45	0	

		Tổng	14	210	0	
--	--	-------------	-----------	------------	----------	--

7.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
27	073008	Quản trị tài chính <i>R</i>	2	15	30	
28	071647	Lịch sử văn hóa Việt Nam	2	15	30	
29	072996	Phương pháp điền dã	2	15	30	
30	072997	Tâm lý học lứa tuổi <i>R</i>	2	15	30	
31	072998	Phương pháp điều tra xã hội học <i>R</i>	2	15	30	
32	073003	Quản trị rủi ro <i>R</i>	2	15	30	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 68 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 60 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
33	071651	Kỹ năng giao tiếp trong nhà hàng khách sạn	3	30	30	
34	071649	Quản trị lễ tân	3	30	30	
35	071653	Quản trị phòng	3	30	30	
36	071652	Quản trị ẩm thực	3	30	30	
37	073004	Quản trị nhân sự	3	30	30	
38	073005	Quản trị dự án	3	30	30	
39	071671	Quản trị khu resort <i>R</i>	3	30	30	
40	072093	Giao tiếp trong kinh doanh	3	45	0	
41	073006	Quản trị quan hệ khách hàng <i>R</i>	3	30	30	
42	071657	Tiêu chí phân loại nhà hàng khách sạn	2	15	30	
43	071658	Văn hóa ẩm thực Việt Nam <i>R</i>	3	30	30	
44	071664	Kỹ thuật pha chế thức uống	3	30	30	
45	071656	Marketing trong nhà hàng – khách sạn <i>R</i>	3	30	30	
46	071655	Kỹ nghệ bán hàng lưu niệm	3	30	30	
47	071665	Thủ tục xuất nhập cảnh <i>R</i>	3	30	30	
48	071654	Anh ngữ thực hành 1	5	30	90	
49	071659	Anh ngữ thực hành 2	5	30	90	
50	071660	Giao lưu với doanh nhân 1	3	0	90	
51	071663	Giao lưu với doanh nhân 2	3	0	90	
		Tổng	60	510	780	

7.2.2.1. Kiến thức tự chọn: 8 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
52	071673	Tâm lý học quản lý	3	30	30	
53	071672	Quản trị khu vui chơi	3	30	30	
54	071670	Quản trị khu du lịch dã ngoại	3	30	30	
55	071669	Lễ hội Việt Nam	3	30	30	
56	071674	Tục đón Tết của các dân tộc ở Việt Nam	2	30	0	
57	071666	Kỹ năng điều phối hoạt động của nhà hàng	2	15	30	
58	071667	Kỹ năng giải quyết các tình huống bất ngờ trong khách sạn	2	15	30	
59	072095	Công nghệ phục vụ bàn và quầy Bar	3	30	30	
60	071668	Kỹ năng tổ chức MICE	3	30	30	
61	072096	Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả	3	30	30	
62	072094	Thanh toán quốc tế phí mậu dịch	3	30	30	

7.2.3. Thực tập và khóa luận luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 22 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
63	071661	Thực tập nhận thức	5	0	150	
64	072983	Thực tập chuyên đề	5	0	150	
65	071675	Thực tập tốt nghiệp	5	0	150	
66	071678	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	210	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
67	071676	Chuyên đề tốt nghiệp	3	0	90	
68	072926	Đạo đức nghề nghiệp	2	30	0	
69	073007	Quản trị quan hệ công chúng	2	30	0	
		Tổng	22	0	660	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã số	Tên học phần	Mã học phần	Tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràn buộc
Học kỳ 1				11	135	60	
Học phần bắt buộc				11	135	60	
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	
2	070022	Giáo dục quốc phòng	0101070022	8	90	30	
3	070354	Quản trị học	0101070354	2	30	0	
4	070405	Tin học văn phòng 1	0101070405	2	0	60	
5	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0101071642	2	30	0	
Học kỳ 2				11	135	60	
Học phần bắt buộc				11	135	60	
1	070002	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0101070002	3	45	0	070010(a)
2	070011	Pháp luật đại cương	0101070011	2	30	0	
3	070406	Tin học văn phòng 2	0101070406	2	0	60	070405(a)
4	071643	Tâm lý khách du lịch	0101071643	2	30	0	
5	072837	Xã hội học đại cương	0101072837	2	30	0	
Học kỳ 3				9	135	0	
Học phần bắt buộc				7	105	0	
1	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	070010(a)
2	070023	Giáo dục thể chất	0101070023	5	15	90	
3	071644	Tổng quan du lịch	0101071644	2	30	0	
4	073002	Quản trị Marketing 1	0101073002	3	45	0	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	071350	Logic học	0101071350	2	30	0	
2	071485	Tâm lý học đại cương	0101071485	2	30	0	
3	071491	Địa lý kinh tế Việt Nam	0101071491	2	30	0	
Học kỳ 4				14	150	120	
Học phần bắt buộc				12	135	90	
1	070407	Anh văn giao tiếp 1	0101070407	3	30	30	
2	071649	Quản trị lễ tân	0101071649	3	30	30	
3	073001	Quản trị chiến lược	0101073001	3	45	0	
4	073006	Quản trị quan hệ khách hàng	0101073006	3	30	30	
Học phần tự chọn				2	15	30	
1	072996	Phương pháp điền dã	0101072996	2	15	30	
2	073008	Quản trị tài chính	0101073008	2	15	30	
Học kỳ 5				13	120	150	
Học phần bắt buộc				11	105	120	
1	070408	Anh văn giao tiếp 2	0101070408	3	30	30	070407(a)

2	071651	Kỹ năng giao tiếp trong nhà hàng khách sạn	0101071651	3	30	30	
3	071657	Tiêu chí phân loại nhà hàng - khách sạn	0101071657	2	15	30	
4	073004	Quản trị nhân sự	0101073004	3	30	30	
Học phần tự chọn				2	15	30	
1	071647	Lịch sử văn hóa Việt Nam	0101071647	2	15	30	
2	072997	Tâm lý học lứa tuổi	0101072997	2	15	30	
3	072998	Phương pháp điều tra xã hội học	0101072998	2	15	30	
4	073003	Quản trị rủi ro	0101073003	2	15	30	
Học kỳ 6				12	120	120	
Học phần bắt buộc				12	120	120	
1	070409	TOEIC 1	0101070409	3	30	30	070408(a)
2	071653	Quản trị phòng	0101071653	3	30	30	
3	071655	Kỹ nghệ bán hàng lưu niệm	0101071655	3	30	30	
4	071656	Marketing trong nhà hàng khách sạn	0101071656	3	30	30	
Học kỳ 7				17	165	180	
Học phần bắt buộc				17	165	180	
1	070410	TOEIC 2	0101070410	3	30	30	070409(a)
2	071652	Quản trị ẩm thực	0101071652	3	30	30	
3	071654	Anh ngữ thực hành 1	0101071654	5	30	90	
4	071658	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	0101071658	3	30	30	
5	072093	Giao tiếp trong kinh doanh	0101072093	3	45	0	
Học kỳ 8				14	90	240	
Học phần bắt buộc				14	90	240	
1	070411	TOEIC 3	0101070411	3	30	30	070410(a)
2	071659	Anh ngữ thực hành 2	0101071659	5	30	90	
3	071660	Giao lưu với doanh nhân 1	0101071660	3	0	90	
4	073005	Quản trị dự án	0101073005	3	30	30	
Học kỳ 9				15	120	210	
Học phần bắt buộc				15	120	210	
1	070412	TOEIC 4	0101070412	3	30	30	070411(a)
2	071663	Giao lưu với doanh nhân 2	0101071663	3	0	90	
3	071664	Kỹ thuật pha chế thức uống	0101071664	3	30	30	
4	071665	Thủ tục xuất nhập cảnh	0101071665	3	30	30	
5	071671	Quản trị khu Resort	0101071671	3	30	30	
Học kỳ 10				16	105	270	
Học phần bắt buộc				8	30	180	
1	001799	TOEIC 5	0101001799	3	30	30	070412(a)
2	071661	Thực tập nhận thức	0101071661	5	0	150	
Học phần tự chọn				8	75	90	
1	071666	Kỹ năng điều phối hoạt động của nhà hàng	0101071666	2	15	30	

2	071667	Kỹ năng giải quyết các tình huống bất ngờ trong khách sạn	0101071667	2	15	30	
3	071668	Kỹ năng tổ chức MICE	0101071668	3	30	30	
4	071669	Lễ hội Việt Nam	0101071669	3	30	30	
5	071670	Quản trị khu du lịch dã ngoại	0101071670	3	30	30	
6	071672	Quản trị khu vui chơi	0101071672	3	30	30	
7	071673	Tâm lý học quản lý	0101071673	3	30	30	
8	071674	Tục đón Tết của các dân tộc ở Việt Nam	0101071674	2	30	0	
9	072094	Thanh toán quốc tế phi mậu dịch	0101072094	3	30	30	
10	072095	Công nghệ phục vụ bàn và quầy Bar	0101072095	3	30	30	
11	072096	Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả	0101072096	3	30	30	
Học kỳ 11				13	30	330	
Học phần bắt buộc				13	30	330	
1	071104	TOEIC 6	0101071104	3	30	30	001799(a)
2	071675	Thực tập tốt nghiệp	0101071675	5	0	150	
3	072983	Thực tập chuyên đề	0101072983	5	0	150	
Học kỳ 12				7	0	210	
Học phần bắt buộc				0	0	0	
Học phần tự chọn				7	0	210	
1	071676	Chuyên đề tốt nghiệp	0101071676	3	0	3	
2	071678	Khóa luận tốt nghiệp	0101071678	7	0	210	
3	072926	Đạo đức nghề nghiệp	0101072926	2	30	0	
4	072927	Quản trị quan hệ công chúng	0101072927	2	30	0	

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình. - Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy. - Chuẩn bị kĩ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng kí các học phần. - Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình. - Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

9.2. Đối với giảng viên

Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp. - Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp. - Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Kiểm tra, đánh giá

Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà. - Phải tổ chức thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá học phần để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Giảng viên phải thực hiện đúng quy chế của học chế tín chỉ. - Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

9.4. Đối với sinh viên

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. - Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. - Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. - Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar. - Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. - Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

10. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin gồm ba bộ phận lý luận cơ bản, có mối liên hệ thống nhất biện chứng với nhau, đó là: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học. - Ngoài chương mở đầu, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương - Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác- Lênin - Phần thứ 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Phần thứ 3: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu được sự ra đời cũng như quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH từ đó góp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong thời kì mới. Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua từng giai đoạn lịch sử...

Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần gồm những kiến thức về văn hóa và các giá trị văn hóa mà con người Việt Nam trong mối quan hệ tương quan với tự nhiên và xã hội đã tạo ra trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật: + Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. + Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Logic học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này gồm có 6 chương - Chương 1: Đại cương về logic học - Chương 2: Khái niệm - Chương 3: Phán đoán - Chương 4: Suy luận - Chương 5: Chứng minh, bác bỏ và ngụ biện - Chương 6: Những quy luật cơ bản của tư duy.

Tiếng Việt thực hành: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản. Trên cơ sở những kiến thức nêu trên, giúp sinh viên có kỹ năng diễn đạt rõ ràng, chính xác một văn bản. Để hình thành kỹ năng, môn học chú trọng đến thực hành bằng việc làm bài tập trên lớp và ở nhà. Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về phiên âm và viết hoa tiếng nước ngoài, cách sửa lỗi về dùng từ, các kỹ năng về sử dụng câu, trình bày một văn bản khoa học,...

Địa lý kinh tế Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần địa lý kinh tế bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến việc tổ chức sắp xếp các hoạt động kinh tế – xã hội của một quốc gia, hoặc khu vực; và thực tiễn thực hiện các công tác nêu trên. Nội dung cơ bản của học phần này là giúp cho sinh viên làm quen với việc đánh giá sơ bộ các tiềm lực kinh tế, xã hội, và vai trò của nó đối với sự phát triển của các quốc gia.

Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt

trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Học phần TOEIC 1. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm 8 bài của giáo trình Outcomes –Inter. Sinh viên được cung cấp những kiến thức tiếng Anh ở mức độ nâng cao, giúp tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp nâng cao hơn bằng tiếng Anh. Sinh viên được chuẩn bị kỹ phần nền tảng tiếng Anh vững chắc để tiếp tục hoàn thiện trong các khóa TOEIC sau đó nhằm đáp ứng cho kỳ thi chuẩn đầu ra TOEIC cho sinh viên.

TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 1)

Nội dung: Học phần TOEIC 2. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC..

TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 2)

Nội dung: Học phần TOEIC 3. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 3)

Nội dung: Học phần TOEIC 4. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 1). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 4)

Nội dung: Học phần TOEIC 5. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 2). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 5)

Nội dung: Học phần TOEIC 6. AVTT hoàn các kỹ năng với bài thi TOEIC chuẩn bị cho kỳ thi TOEIC theo yêu cầu đầu ra.

Tin học văn phòng 1: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu.

Tin học văn phòng 2: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học văn phòng 1)

Nội dung: : Giới thiệu về Cơ sở dữ liệu, làm việc trên Table, thiết kế CSDL theo mô hình quan hệ; Truy vấn thông tin trên CSDL; Thiết kế các loại Form; Thiết kế các loại Report; Sử dụng Macro; Đóng gói dữ liệu.

Giáo dục thể chất: 5 (15, 90, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 8 (90, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Quản trị học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học như: bản chất và khoa học của quản trị, sự phát triển các lý thuyết khoa học quản trị, các yếu tố môi trường tác động đến quản trị, quyết định trong quản trị, hoạch định trong quản trị, tổ chức trong quản trị, quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế toàn cầu, người lãnh đạo và hành vi của lãnh đạo,

động lực và hành vi giữa các cá nhân, nhóm, quản trị trong nền kinh tế toàn cầu, kiểm tra, kiểm soát trong quản trị.

Xã hội học đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những khái niệm và những lý thuyết căn bản nhất về xã hội học. Học xong môn học sinh viên có thể nắm bắt được cách nhìn nhận và phân tích những quá trình và những hiện tượng xã hội dưới góc độ xã hội học.

Tâm lý khách du lịch: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: môn học giúp sinh viên nắm được những kỹ năng tổ chức, nghiên cứu, tham dò và đánh giá tâm lý khách du lịch một cách tốt nhất nhằm lên kế hoạch ứng xử của chủ thể nhân lực thuộc ngành cung ứng dịch vụ du lịch.

Tổng quan du lịch: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của TQDL. Các khái niệm cơ bản về du lịch. Loại hình du lịch và sản phẩm du lịch. Động cơ du lịch và điều kiện phát triển du lịch. Tính thời vụ trong hoạt động du lịch. Tác động của du lịch đến các lĩnh vực kinh tế; văn hóa – xã hội; môi trường và chính trị. Tổng quan về kinh doanh du lịch. Đào tạo nguồn nhân lực du lịch. Tổ chức quản lý du lịch. Phát triển du lịch bền vững. Quá trình hình thành và phát triển du lịch.

Quản trị chiến lược: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chiến lược như: giới thiệu về quản trị chiến lược, tuyên bố viễn cảnh & sứ mệnh, phân tích môi trường bên ngoài, phân tích bên trong, tạo dựng lợi thế cạnh tranh thông qua các chiến lược chức năng, chiến lược cấp kinh doanh, các phương thức cạnh tranh, chiến lược trong môi trường toàn cầu, chiến lược công ty, thiết kế cấu trúc tổ chức & hệ thống kiểm soát.

Quản trị Marketing 1: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quản trị marketing như: Tổng quan và quản trị marketing, tạo dựng giá trị, sự thỏa mãn và lòng trung thành của khách hàng, hoạch định chiến lược marketing, hệ thống thông tin marketing và môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng, phân tích cạnh tranh và chiến lược cạnh tranh, phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu, chiến lược định vị và xây dựng thương hiệu.

Quản trị tài chính: 2 (15, 30, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan và chuyên sâu về quản trị tài chính, các vấn đề cụ thể về: phân tích tình hình tài chính, lập kế hoạch tài chính, quản trị vốn lưu động, chiết khấu dòng tiền, lãi suất, định giá doanh nghiệp, định giá chứng khoán trong doanh nghiệp.

Lịch sử văn hóa Việt Nam: 2 (15,30, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Sinh viên mới có thể tiến hành xây dựng những bài thuyết trình, giới thiệu cho du khách về lịch sử, những công trình và những dấu tích hiện hữu của văn hóa Việt Nam.

Phương pháp điền dã: 2 (15,30, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: điền dã là gì, vị trí của các chuyến điền dã trong công tác nghiên cứu di sản văn hóa. Bước đầu nắm được các phương pháp điền dã. Có khả năng tự tổng kết tư liệu điền dã. Sự hình thành của các phương pháp điền dã. Các phương pháp điền dã cổ điển, hiện đại. Đặc trưng của công tác điền dã trong ngành nghiên cứu di sản văn hóa. Các bước tổng kết và phương pháp hệ thống tư liệu điền dã.

Tâm lý học lứa tuổi: 2 (15,30, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Sinh viên được cung cấp những kiến thức về: Đối tượng của tâm lý lứa tuổi; Nhiệm vụ của tâm lý lứa tuổi; Ý nghĩa của tâm lý học lứa tuổi; Phương pháp nghiên cứu và đánh giá sự phát triển tâm ý lứa tuổi.

Phương pháp điều tra xã hội học: 2 (15,30, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các phương pháp kỹ thuật thu thập thông tin trong xã hội học, các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, làm cơ sở cho các đồng chí trong quá trình đảm nhiệm các vị trí, nhiệm vụ của nghiên cứu khoa học, trong quá trình học tập.

Quản trị rủi ro: 2 (15,30, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro và khủng hoảng như: rủi ro, quản trị rủi ro, quản trị rủi ro chiến lược, môi trường văn hóa và những rủi ro, môi trường luật pháp – chính trị - kinh tế và các rủi ro, rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu, quản trị rủi ro tài chính; khủng hoảng và quản trị khủng hoảng, ban quản trị khủng hoảng và những công việc cần làm trước, trong và sau khủng hoảng.

Quản trị nhân sự: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Những chế định chung. Phương châm riêng của cơ sở. Hiểu việc để chọn người phù hợp với công việc. Người tài và phương pháp thu hút người tài. Những nguyên tắc cơ bản trong khoa học tuyển người và giữ người. Nghệ thuật hạn chế và đẩy lùi những biểu hiện xa lạ với mục tiêu của cơ sở. Nghệ thuật khích lệ và khen thưởng.

Kỹ năng giao tiếp trong nhà hàng khách sạn: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giúp sinh viên xác định được bản chất của kỹ năng giao tiếp cơ bản trong nhà hàng, khách sạn. Biết cách vận dụng kỹ năng giao tiếp cơ bản trong nhà hàng, khách sạn để xây dựng được mối quan hệ tốt trong giao tiếp với khách hàng. Có thái độ làm việc với tinh thần hòa nhập trong môi trường đa văn hóa trong nhà hàng - khách sạn, với khẩu hiệu “khách hàng là thượng đế”.

Quản trị lễ tân: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: trang bị cho người học những kiến thức về cơ cấu tổ chức của một khách sạn, quy trình phục vụ, các bộ phận trong một khách sạn. Cách giải quyết những phàn nàn của khách cũng như những kỹ năng cần thiết của nhân viên bộ phận lễ tân nhà hàng – khách sạn.

Quản trị phòng: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản và các hoạt động quản trị phòng, quảng cáo, tiếp thị và bán phòng trong khách sạn.

Quản trị ẩm thực: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Quản trị chất lượng thực phẩm bao gồm việc kiểm tra, đánh giá chất lượng thực phẩm qua các chỉ tiêu chất lượng bằng các phương pháp và công cụ đánh giá chất lượng thực phẩm dựa trên hệ thống các văn bản pháp lí, sử dụng các mối quan hệ và môi trường tác của các hệ thống quản trị chất lượng thực phẩm, tạo cơ sở việc đảm bảo và cải tiến chất lượng thực phẩm.

Quản trị dự án: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận, phương pháp luận về quản trị dự án đầu tư, đồng thời cũng trang bị những phương pháp luận về chuyển giao công nghệ các dự án. Những vấn đề chung về quản trị dự án. Các vấn đề quan trọng liên quan trực tiếp đến các dự án như chuyển giao công nghệ và quản trị rủi ro. Nắm được phương pháp, kỹ năng quản trị từng giai đoạn của dự án; phối hợp các giai đoạn của dự án với nhau sao cho dự án đạt hiệu quả kinh tế xã hội cao nhất.

Tiêu chí phân loại nhà hàng khách sạn: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về tiêu chuẩn để phân loại nhà hàng khách sạn hiện nay. Những nhà hàng, khách sạn đạt tiêu chuẩn hiện nay ở Việt Nam và những phương án nhằm nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng yêu cầu của một cơ sở lưu trú hiện nay.

Văn hóa ẩm thực Việt Nam: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa ẩm thực mang đậm nét đặc trưng của dân tộc Việt Nam. Giới thiệu cho sinh viên những tính đa dạng, tính tổng hợp và tính ứng dụng của văn hóa ẩm thực Việt Nam trong đời sống hàng ngày.

Kỹ thuật pha chế thức uống: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: giúp sinh viên làm quen và thực hành pha chế các loại thức uống cocktail thông thường. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về các loại thức uống có cồn và không cồn, một số công thức pha chế cocktail. Học phần nhấn mạnh tới kỹ năng thực hành.

Marketing trong nhà hàng – khách sạn: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Marketing là một hoạt động tự nhiên và tất nhiên của đời sống hiện đại. Trong các khách sạn, hoạt động marketing rất cần được đẩy mạnh. Văn hóa trong hoạt động marketing. Sự gắn bó giữa marketing với quảng bá các thương hiệu lớn và các mặt hàng chất lượng cao. Vấn đề trung thực trong marketing. Tính thống nhất chặt chẽ trong hoạt động marketing của tất cả các nhà hàng khách sạn.

Kỹ nghệ bán hàng lưu niệm: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Đã đến lúc việc bán hàng lưu niệm phải thực sự là một kỹ nghệ. Vấn đề đặt ra cho các ngành sản xuất hàng lưu niệm hiện nay. Hàng lưu niệm phải thực sự có ý nghĩa lưu niệm. Hàng lưu niệm phải tiện lợi trong việc vận chuyển và được phép vận chuyển đi xa. Bán hàng lưu niệm có nghĩa là chuyển tải các phẩm đến du khách. Tư cách và phẩm chất cần có của người bán hàng lưu niệm Việt Nam. Bán hàng lưu niệm phải được coi là một khoa học với những nội dung ngày càng nâng cao.

Thủ tục xuất nhập cảnh: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Quốc gia nào cũng có những quy định rất chặt chẽ về xuất nhập cảnh. Nắm vững các thủ tục xuất nhập cảnh là nhu cầu quan trọng đối với những người làm việc trong ngành Du Lịch. Thủ tục nhập cảnh đường bộ. Thủ tục nhập cảnh đường hàng không. Thủ tục nhập cảnh đường biển. Các thủ tục nhập cảnh đặc biệt. Những điều được phép và không được được phép làm khi tiến hành các thủ tục xuất nhập cảnh.

Anh ngữ thực hành 1: 5 (30, 90, 105)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: nhằm trang bị kiến thức và các kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể kết hợp khả năng nghe nói vào ngữ cảnh trong ngành du lịch. Sinh viên sẽ được làm quen với các mẫu câu, cách nói mang tính chất đặc thù của ngành nghề du lịch.

Anh ngữ thực hành 2: 3 (30, 90, 105)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ cho sinh viên chuyên ngành du lịch.

Giao lưu với doanh nhân 1: 3 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giao lưu học hỏi kinh nghiệm của người đi trước về sự thành công. Cũng như những kỹ năng sống và định hướng quan điểm sống cho sinh viên.

Giao lưu với doanh nhân 2: 3 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giao lưu học hỏi kinh nghiệm của người đi trước về sự thành công cũng như những kỹ năng sống và định hướng quan điểm sống cho sinh viên.

Quản trị khu Resort: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Sự hình thành của các khu resort. Mâu thuẫn giữa việc có kinh phí xây resort với có tri thức để quản lý tốt các khu resort. Quản trị resort là gì. Điểm tương đồng và dị biệt giữa quản trị resort với quản trị nhà hàng-khách sạn và quản trị khu vui chơi. Quản trị resort dành riêng cho người nước ngoài. Quản trị resort sử dụng chung cho cả khách nội địa và khách nước ngoài.

Giao tiếp trong kinh doanh: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng áp dụng các kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong hoạt động kinh doanh.

Quản trị quan hệ khách hàng: 3(30,30,75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học Quản trị quan hệ khách hàng nhằm phát triển các kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động chăm sóc khách hàng. Cụ thể, môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và tầm quan trọng của quản trị quan hệ khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

Tâm lý học quản lý: 3(30,30,75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tâm lý quản lý. Nắm vững những kiến thức về tâm lý quản lý, trên cơ sở đó từng bước vận dụng vào quản lý kinh tế và lãnh đạo.

Quản trị khu vui chơi: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Ngày nay, các khu vui chơi được xây dựng ngày càng nhiều. Quản trị khu vui chơi đang là một yêu cầu lớn. Quản trị môi trường tự nhiên trong khu vui chơi. Quản trị hoạt động văn hóa trong các khu vui chơi. Quản trị lễ tân và quản trị ẩm thực trong các khu vui chơi. Vai trò của kiến thức tâm lý du khách và tâm lý lứa tuổi trong quản trị khu vui chơi.

Quản trị khu du lịch dã ngoại 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Hàng loạt khu du lịch dã ngoại đã và đang hình thành, quản trị khu du lịch dã ngoại đang là một ngành học rất thiết thực. Quản trị khu du lịch dã ngoại là gì. Những điều được quyền làm và không được quyền làm trong quản trị khu du lịch dã ngoại. Vị trí của quản trị khu du lịch dã ngoại trong khoa học quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành hiện nay.

Lễ hội Việt Nam: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trung bình mỗi năm, Việt Nam có đến hơn 8000 lễ hội khác nhau. Phân loại lễ hội. Phân tích những mục đích cơ bản của lễ hội. Giá trị văn hóa của lễ hội. Những vấn đề lớn đặt ra đối với các hoạt động lễ hội hiện nay. Tổ chức các tours du lịch kết hợp với tham quan và tham gia lễ hội tại những địa phương khác nhau

Tục đón Tết của các dân tộc ở Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Việt Nam có khá nhiều Tết, do vậy, cũng có khá nhiều tục đón Tết khác nhau. Tục đón Tết Nguyên Đán cổ truyền của người Việt. Tục lệ đón Tết của người Chăm. Tục lệ đón Tết của người Khmer. Tục lệ đón Tết của một số dân tộc ít người khác. Những quan niệm chung về ngày Tết của các cộng đồng dân cư cùng chung sống trên lãnh thổ Việt Nam.

Kỹ năng điều phối hoạt động của nhà hàng: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Mỗi nhà hàng bao giờ cũng có nhiều hoạt động phong phú khác nhau. Kỹ năng điều phối có vị trí rất quan trọng trong việc đem lại lợi nhuận cho nhà hàng. Kỹ năng điều phối việc mua bán nguyên liệu. Kỹ năng điều phối hoạt động chế biến. Kỹ năng điều phối việc phục vụ bàn. Kỹ năng điều phối các dịch vụ khác trong nhà hàng. Kỹ năng tổng chỉ huy mọi hoạt động.

Kỹ năng giải quyết các tình huống bất ngờ trong khách sạn: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Tình huống bất ngờ có thể xảy ra ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào. Thái độ sẵn sàng chấp nhận các tình huống bất ngờ. Tình huống bất ngờ về sự an toàn của khách sạn. Tình huống bất ngờ về tình trạng sức khỏe của khách. Tình huống bất ngờ bởi vô số sự bất ngờ. Tính văn hóa và tính nhân văn trong xử lý. Nhân ái và thân thiện nhưng không xa rời kỷ cương và pháp luật.

Kỹ năng tổ chức MICE: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: MICE (Meeting Incentive Congferance Event) đang trở nên khá phổ biến ở Việt Nam. Các kỹ năng tổ chức MICE vì thế mà rất cần thiết. Tính đa dạng của mục đích MICE. Tính phong phú của khách tham dự MICE. Tính đa cấp của nhu cầu MICE. Những MICE được phép và không được phép tổ chức. Nghệ thuật kết hợp giữa tổ chức MICE với quảng cáo có hiệu quả.

Công nghệ phục vụ bàn và quầy Bar: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về vai trò, cơ cấu tổ chức của từng bộ phận trong khách sạn; chức năng, nhiệm vụ, tiêu chuẩn của các vị trí trong khách sạn; vai trò của quy trình phục vụ trong nhà hàng – khách sạn; cách xây dựng và quản lý quy trình phục vụ; quy trình phục vụ, thao tác kỹ thuật cơ bản của các dịch vụ; một số tình huống thường gặp trong nhà hàng – khách sạn.

Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả : 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản nhất của kỹ năng làm việc theo nhóm. Kỹ năng làm việc theo nhóm này là một trong những “kỹ năng mềm” vô cùng quan trọng với con người trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, ngoài việc hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, người học còn phải vận dụng, trải nghiệm thực tế, quan sát, tự rút ra các bài học cho chính mình.

Thanh toán quốc tế phi mậu dịch: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Thanh toán quốc tế phi mậu dịch là nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực thanh toán quốc tế và tiền tệ quốc tế. Trong đó, thanh toán quốc tế với các nội dung như: tỷ

giá hối đoái, thị trường ngoại hối, các phương thức và phương tiện thanh toán áp dụng trong thương mại quốc tế mô tả vấn đề thương mại quốc tế dưới góc độ tác nghiệp cụ thể, còn tiền tệ quốc tế với nội dung như: tài trợ ngoại thương, tín dụng quốc tế giúp người học hiểu toàn diện hơn về quan hệ đầu tư quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn đề cập tới các tổ chức tài chính và tiền tệ thế giới và khu vực bởi các tổ chức này đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và định hướng các quan hệ thương mại và tiền tệ quốc tế phát triển.

Thực tập nhận thức: 5 (0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nhằm tạo cho sinh viên cọ sát được kinh nghiệm làm việc thực tế trước khi ra trường sẽ tự tin và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của bản thân. Đó là một điều rất hợp lý và cần thiết. Bởi vì thực tập tại các khách sạn – nhà hàng sẽ tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp xúc trực tiếp nhiều với nghề nghiệp, ngành học của mình để tích lũy kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ tránh bỡ ngỡ khi xin việc làm sau khi ra trường. Bên cạnh đó còn giúp sinh viên áp dụng những kiến thức đã được học vào công việc thực tế và xem xét, đánh giá mình đang ở vị trí nào trong khối kiến thức của công việc và phát huy thế mạnh của từng sinh viên khi thực tập các bộ phận khác nhau của ngành. Mặt khác còn giúp các bạn tạo mối quan hệ xã hội rộng rãi, nâng cao kỹ năng giao tiếp ứng xử tốt hơn, nhanh nhẹn xử lý các tình huống một cách khéo léo, chuyên nghiệp luôn xảy ra trong khi làm việc, rèn đức tính kiên trì, trách nhiệm, hiểu và nắm rõ cách tổ chức, hoạt động, quy trình làm việc của các bộ phận tại khách sạn và so sánh với những gì đã được học ở trường, có cơ hội rèn luyện, trau dồi ngoại ngữ tốt hơn.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Cẩm

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

TS. Nguyễn Lan Phương

TRƯỞNG KHOA

ThS. Phan Thị Ngân

Tên chương trình đào tạo:	CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
Trình độ đào tạo:	ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo:	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
Loại hình đào tạo:	CHÍNH QUY
Mã ngành đào tạo:	52340107

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

I. MỤC TIÊU CHUNG:

Sinh viên ngành Quản trị khách sạn sau khi tốt nghiệp nắm vững kiến thức nền tảng về Quản trị khách sạn; Có khả năng thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn có thể:

- Vận dụng các kiến thức nền tảng liên quan và nghề Khách sạn.
- Phát triển năng lực lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh và thành lập doanh nghiệp Khách sạn với nhiều quy mô và đẳng cấp khác nhau;
- Đảm trách tốt công tác chuyên môn như nghiệp vụ lễ tân (FO), nghiệp vụ buồng – phòng (Housekeeping), nghiệp vụ bàn (F&B), nghiệp vụ ẩm thực. Tổ chức các loại tiệc từ căn bản đến phức tạp như tiệc trà, ăn sáng, ăn trưa, ăn tối, tiệc tự chọn, tiệc cưới, yến tiệc và hội nghị. Thiết kế thực đơn phục vụ các loại hình dịch vụ ẩm thực;
- Đáp ứng các nhu cầu đa dạng và xử lý các tình huống trong dịch vụ lưu trú, ẩm thực, vui chơi giải trí như đặt phòng, đăng ký phòng, thủ tục thanh toán, dọn dẹp phòng khách, khu vực công cộng theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Giao tiếp hiệu quả trong đời sống xã hội, làm việc hiệu quả trong ekip và khách hàng.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH

1.1	Kiến thức Lý luận chính trị	Mức NL
1.1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	3.0
1.1.2	Đường lối Cách mạng Việt Nam	3.0
1.1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3.0
1.2	Kiến thức Khoa học xã hội – Nhân văn và nghệ thuật	Mức NL
1.2.1	Pháp luật đại cương	3.5
1.2.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3.5
1.2	Kiến thức Khoa học xã hội – Nhân văn và nghệ thuật	Mức NL
1.2.3	Tiếng Việt thực hành	3.0
1.2.4	Địa lý kinh tế Việt Nam	3.0
1.2.5	Logic học	3.0
1.3	Kiến thức Khoa học tự nhiên	Mức NL
1.3.1	Tin học văn phòng 1	4.0
1.3.2	Tin học văn phòng 2	4.0
1.4	Kiến thức Ngoại ngữ	Mức NL
1.4.1	Anh văn giao tiếp 1	3.5
1.4.2	Anh văn giao tiếp 2	3.5
1.4.3	TOEIC 1	3.5

1.4.4	TOEIC 2	3.5
1.4.5	TOEIC 3	3.5
1.4.6	TOEIC 4	3.5
1.4.7	TOEIC 5	3.5
1.4.8	TOEIC 6	3.5
1.5	Kiến thức Cơ sở ngành	Mức NL
1.5.1	Quản trị học	4.0
1.5.2	Tâm lý khách du lịch	4.0
1.5.3	Xã hội học đại cương	4.0
1.5.4	Tổng quan du lịch	4.0
1.5.5	Quản trị chiến lược	4.0
1.5.6	Quản trị Marketing	3.5
1.5	Kiến thức Cơ sở ngành	Mức NL
1.5.7	Quản trị tài chính	4.0
1.5.8	Lịch sử văn hóa Việt Nam	4.0
1.5.9	Phương pháp điền dã	3.5
1.5.10	Tâm lý học lứa tuổi	4.0
1.5.11	Phương pháp điều tra xã hội học	3.5
1.5.12	Quản trị rủi ro	4.0
1.6	Kiến thức chuyên ngành	Mức NL
1.6.1	Kỹ năng giao tiếp trong nhà hàng khách sạn	4.0
1.6.2	Quản trị lễ tân	4.0
1.6.3	Quản trị phòng	4.0
1.6.4	Quản trị ẩm thực	4.0

1.6.5	Quản trị nhân sự	4.0
1.6.6	Quản trị dự án	4.0
1.6.7	Quản trị khu resort	4.0
1.6.8	Giao tiếp trong kinh doanh	4.0
1.6.9	Quản trị quan hệ khách hàng	4.0
1.6.10	Tiêu chí phân loại nhà hàng khách sạn	4.0
1.6.11	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	4.0
1.6.12	Kỹ thuật pha chế thức uống	4.0
1.6.13	Marketing trong nhà hàng – khách sạn	4.0
1.6.14	Kỹ nghệ bán hàng lưu niệm	4.0
1.6.15	Thủ tục xuất nhập cảnh	4.0
1.6.16	Anh ngữ thực hành 1	4.0
1.6.17	Anh ngữ thực hành 2	4.0
1.6.18	Giao lưu với doanh nhân 1	4.5
1.6.19	Giao lưu với doanh nhân 2	4.5
1.6	Kiến thức chuyên ngành	Mức NL
1.6.20	Tâm lý học quản lý	4.0
1.6.21	Quản trị khu vui chơi	4.0
1.6.22	Quản trị khu du lịch dã ngoại	4.0
1.6.23	Lễ hội Việt Nam	3.5
1.6.24	Tục đón Tết của các dân tộc ở Việt Nam	3.5
1.6.25	Kỹ năng điều phối hoạt động của nhà hàng	4.0
1.6.26	Kỹ năng giải quyết các tình huống bất ngờ trong	4.5
1.6.27	Công nghệ phục vụ bàn và quầy Bar khách sạn	4.0

1.6.28	Kỹ năng tổ chức MICE	4.0
1.6.29	Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả	4.0
1.6.30	Thanh toán quốc tế phí mậu dịch	4.0

2. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP

2.1	Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh	Mức NL
2.1.1	Nắm rõ công việc kinh doanh	3.5
2.1.2	Xác định mục đích của kế hoạch	3.5
2.1.3	Xác định đối tượng	3.5
2.1.4	Lập kế hoạch kinh doanh	3.5
2.2	Kỹ năng tổ chức kinh doanh	Mức NL
2.2.1	Xây dựng mục tiêu – lập kế hoạch kinh doanh	3.0
2.2.2	Phân tích các cơ hội kinh doanh và xây dựng tầm nhìn	3.0
2.2.3	Định vị thị trường và mục tiêu	3.0
2.2.4	Hoạch định và phát triển sản phẩm mới	3.0
2.2.5	Lập dự báo nhu cầu của hoạt động kinh doanh	3.0
2.2.6	Tổ chức công việc	3.0
2.3	Kỹ năng giám sát hoạt động kinh doanh	Mức NL
2.3.1	Chân dung và công việc giám sát kinh doanh	
2.3.2	Thực hiện hoá mục tiêu kinh doanh	3.5
2.3.3	Xây dựng đội ngũ nhân viên kinh doanh giàu năng lực	3.5
2.4	Kỹ năng thành lập doanh nghiệp khách sạn	Mức NL
2.4.1	Khởi nghiệp	3.5

2.4.2	Lựa chọn mô hình kinh doanh	3.0
2.4.3	Những thủ tục hành chính pháp lý	4.0
2.5	Kỹ năng nghiệp vụ	Mức NL
2.5.1	Nghiệp vụ lễ tân	4.0
2.5.2	Nghiệp vụ buồng	4.0
2.5.3	Nghiệp vụ nhà hàng	4.0
2.5.4	Nghiệp vụ tổ chức sự kiện	4.0
2.6	Làm chủ các kỹ năng và phẩm chất cá nhân	Mức NL
2.6.1	Có khả năng tư duy sáng tạo	4.0
2.6.2	Có kỹ năng quản lý thời gian	4.0
2.6.3	Có kỹ năng soạn thảo văn bản	4.0

3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC THEO NHÓM VÀ GIAO TIẾP

3.1	Làm việc nhóm	Mức NL
3.1.1.	Khả năng thành lập nhóm	4.0
3.1.2	Giao tiếp trong hoạt động nhóm	
3.1.3	Khả năng lãnh đạo nhóm	
3.1.4	Nhận xét và phê bình trong nhóm	
3.2	Giao tiếp	
3.2.1	Xây dựng và duy trì các quan hệ liên cá nhân	
3.2.2	Giao tiếp bằng văn bản	
3.2.3	Giao tiếp qua các phương tiện điện tử	4.0
3.2.4	Giao tiếp trực diện	4.0
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ	

3.3.1	Tiếng Anh	TOEIC 400
3.3.2	Bằng ngoại ngữ chuyên ngành	4.0

III. TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY KỸ NĂNG

2. KỸ NĂNG CÁ NHÂN, KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT

2.1	Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh	3.5
2.1.1	Mô tả và hiểu được các bước xây dựng kế hoạch kinh doanh	3.5
	Mô tả và hiểu được những đặc điểm chính của bối cảnh hoạt động kinh doanh	2.0
	Mô tả và hiểu được các yếu tố đến hoạt động kinh doanh	3.0
	Mô tả và hiểu được nội tại của đối tượng kinh doanh	3.5
2.1.2	Xác định mục đích của kế hoạch	3.5
	Biết và hiểu cách xây dựng kế hoạch rõ ràng, có khả năng định lượng	2.0
	Biết và hiểu cách thiết lập mục đích phù hợp với chiến lược phát triển tổng thể	3.0
	Biết các bước triển khai thực hiện rõ ràng	3.5
2.1.3	Xác định đối tượng	3.5
	Biết cách xác định nhân sự đóng vai trò chính	2.0
	Biết cách xác định công việc đóng vai trò chủ chốt	3.0
	Biết và hiểu cách thiết lập mối quan hệ trong triển khai	3.5

	công khai	
2.1.4	Lập kế hoạch kinh doanh	3.5
	Xác định cụ thể thời gian, tài chính, nhân lực	3.0
	Xác định các công cụ, phương pháp kiểm tra kết quả	3.0
	Đánh giá kết quả so với mục tiêu ban đầu và điều chỉnh nếu có	3.5
2.2	Kỹ năng tổ chức kinh doanh	3.5
2.2.1	Xây dựng mục tiêu – lập kế hoạch kinh doanh	3.0
	Biết và hiểu cách xây dựng mục tiêu xác thực với điều kiện và môi trường hoạt động	2.0
	Biết và hiểu cách triển khai mục tiêu tổng quát thành các mục tiêu cụ thể	3.0
2.2.2	Phân tích các cơ hội kinh doanh và xây dựng tầm nhìn	3.0
	Nắm được cách xác định tầm nhìn làm kim chỉ nam cho hoạt động kinh doanh bền vững cho tổ chức	2.0
	Hiểu được cách phân tích môi trường bên ngoài để tìm cơ hội, thách thức ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ở các mức độ khác nhau	3.0
2.2.3	Định vị thị trường và mục tiêu	3.0
	Hiểu cách xác định rõ nhóm khách hàng nào doanh nghiệp có khả năng mang lại nhiều lợi ích tốt hơn đối thủ cạnh tranh	2.0
	Tự xác định và lựa chọn phương pháp định lượng những chỉ số quan trọng liên quan đến khách hàng mục tiêu để xác định sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp mình	2.5
	Xác định mục tiêu cụ thể đối với thị trường mục tiêu mà doanh nghiệp hướng tới trong một khoảng thời gian	3.0

	nhất định	
2.2.4	Hoạch định và phát triển sản phẩm mới	3.5
	Tự xác định các nguồn lực để triển khai kế hoạch	2.0
	Tự xác định và lựa chọn phương pháp giám sát và đánh giá trong suốt quá trình thực hiện	2.5
	Hiểu các cách thức điều chỉnh mục tiêu và phương pháp thực hiện khi cần thiết	3.0
	Hiểu các cách thức phát triển sản phẩm mới theo nhu cầu của khách hàng dựa trên quá trình cung ứng sản phẩm/dịch vụ trước đó	3.5
2.2.5	Lập dự báo nhu cầu của hoạt động kinh doanh	3.5
	Biết cách lập dự báo về tài chính	2.0
	Biết cách lập dự báo về nguồn nhân lực	2.5
	Biết cách lập dự báo về các cơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật cần thiết	3.0
	Biết cách xây dựng bản dự báo yêu cầu rõ ràng, logic mang tính thuyết phục cao	3.5
2.2.6	Tổ chức công việc	3.5
	Mô tả được quy trình của nhóm làm việc bằng sơ đồ và diễn giải được yêu cầu của các khâu	2.0
	Tham gia một khâu cụ thể đề cùng với các thành viên tổ chức một chuyên làm việc	2.5
	Tham gia một khâu cụ thể đề cùng với các thành viên tổ chức một sự kiện	3.0
	Động viên hỗ trợ kịp thời về tinh thần và vật chất	3.5
2.3	Kỹ năng giám sát, điều phối hoạt động kinh doanh	3.5

2.3.1	Chân dung và công việc giám sát, điều hành kinh doanh	2.5
	Lập được bảng phân công công việc và sử dụng nguồn lực cụ thể trong nhóm để thực hiện một công việc cụ thể của chuyên làm việc	3.5
	Xác định được các điểm kiểm soát và phương pháp kiểm tra các công việc liên quan	2.5
	Xác định được các tiêu chí đánh giá kết quả và chất lượng công việc đã nêu trong bảng phân công	3.0
	Xây dựng được khung thực hiện báo cáo công việc áp dụng trong nhóm làm việc liên quan	3.5
2.3.2	Thực hiện hoá mục tiêu kinh doanh	3.5
	Biết cách thực hiện các kế hoạch đã được chuẩn bị	2.0
	Xác định các phương án để đạt được mục tiêu	2.5
	Xác định được tiêu chí lượng hoá và đánh giá kết quả so với mục tiêu	3.0
	Điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp	3.5
2.3.3	Xây dựng đội ngũ nhân viên giàu năng lực	3.0
	Hiểu về tuyển chọn nhân viên có năng lực	2.0
	Thực hiện giao công việc phù hợp	2.5
	Hiểu về các biện pháp hỗ trợ mọi mặt cho nhân viên	3.0
	Hiểu về các biện pháp động viên nhân viên	3.5
2.4	Kỹ năng thành lập doanh nghiệp khách sạn	3.5
2.4.1	Khởi nghiệp	3.5
	Xây dựng được ý tưởng	2.5
	Trình bày ý tưởng thuyết phục được các nhà đầu tư	3.0

	Xây dựng được chiến lược kinh doanh	3.5
2.4.2	Lựa chọn mô hình kinh doanh	3.0
	Hiểu về các mô hình kinh doanh	2.0
	Xác định được mô hình có khả năng đón đầu được xu hướng phát triển của thị trường	2.5
	Xây dựng ý tưởng phù hợp với các nguồn lực	3.0
	Xây dựng được ý tưởng tính độc đáo, sáng tạo	3.0
2.4.3	Những thủ tục hành chính pháp lý	4.0
	Hiểu được quy trình xin giấy phép hoạt động kinh doanh theo đặc trưng của ngành nghề	4.0
	Hiểu được cách thực hiện các quyết định bổ nhiệm nhân sự	4.0
	Nắm được quy trình báo với chính quyền địa phương về hoạt động của doanh nghiệp	4.0
	Hiểu được cách thức liên hệ với các cơ quan ban ngành khác có liên quan	3.5
2.5	Kỹ năng nghiệp vụ	
2.5.1	Nghiệp vụ lễ tân	4.0
	Mô tả được quy trình công việc bằng sơ đồ và diễn giải yêu cầu của từng khâu	2.0
	Tham gia một khâu cụ thể để cùng với ekip cung cấp dịch vụ cho khách hàng	3.0
	Xây dựng được kế hoạch giám sát, tổ chức quy trình làm việc của ekip	4.0
2.5.2	Nghiệp vụ buồng	4.0
	Mô tả được quy trình công việc bằng sơ đồ và diễn giải	2.0

	yêu cầu của từng khâu	
	Tham gia một khâu cụ thể để cùng với ekip cung cấp dịch vụ cho khách hàng	3.0
	Xây dựng được kế hoạch giám sát, tổ chức quy trình làm việc của ekip	4.0
2.5.3	Nghịệp vụ nhà hàng	4.0
	Mô tả được quy trình, yêu cầu của công việc bằng sơ đồ và diễn giải yêu cầu của từng khâu.	2.0
	Tham gia một khâu cụ thể để cùng với ekip cung cấp dịch vụ cho khách hàng	3.0
	Xây dựng được kế hoạch giám sát, tổ chức quy trình làm việc của ekip	4.0
2.5.4	Nghịệp vụ tổ chức sự kiện	4.0
	Mô tả được quy trình công việc bằng sơ đồ và diễn giải yêu cầu của từng khâu	2.0
	Xây dựng được kế hoạch giám sát, triển khai thực hiện một sự kiện	3.0
	Tham gia một khâu cụ thể để cùng nhóm tổ chức một sự kiện	4.0
2.6	Làm chủ kỹ năng và phẩm chất cá nhân	4.0
2.6.1	Có khả năng tư duy sáng tạo	4.0
	Mô tả được quá trình tư duy sáng tạo và các loại tư duy sáng tạo bằng mô hình	2.0
	Có thể tự mình thực hiện tìm ý tưởng bằng các kỹ thuật tư duy sáng tạo và thực hiện đánh giá chọn lọc ý tưởng	3.0
	Sử dụng được kỹ thuật tư duy phân kỳ khi tìm ý tưởng giải quyết các vấn đề	4.0

2.6.2	Có khả năng quản lý thời gian	4.0
	Biết lập lịch và sử dụng các phần mềm quản lý lịch biểu	2.0
	Biết phân tích mục tiêu và công việc ưu tiên để thực hiện	3.0
	Biết sắp xếp thời gian và kỷ luật làm việc để thực hiện công việc đúng thời hạn chót (deadline)	4.0
2.6.3	Có kỹ năng soạn thảo văn bản	4.0
	Biết các loại hình văn bản	2.0
	Biết các mục cần có của một văn bản	3.0
	Thực hiện soạn thảo một văn bản theo mẫu	4.0

3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP

3.1	Làm việc theo nhóm	
3.1.1	Khả năng thành lập nhóm	4.0
	Tổ chức nhóm 3-5 người, lập kế hoạch công việc của nhóm và phân công thực hiện	2.0
	Tổ chức nhóm 5-10, lập kế hoạch công việc của nhóm và phân công thực hiện	3.0
	Tổ chức một ekip làm việc trên 10 người, lập kế hoạch công việc của nhóm và phân công thực hiện	4.0
3.1.2	Giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm	4.0
	Lựa chọn được các phương tiện liên lạc, quy cách và quy ước trao đổi thông tin phù hợp trong nhóm	2.0
	Giữ liên lạc và phản hồi thông tin với các thành viên trong nhóm về công việc kịp thời, đúng quy cách	3.0

	Tổ chức và tham gia thảo luận, trao đổi trực tiếp với nhau trong nhóm đúng trình tự và quy cách	4.0
3.1.3	Khả năng lãnh đạo nhóm	4.0
	Hoạch định mục tiêu và kế hoạch cho nhóm	2.0
	Tổ chức và phân công công việc trong nhóm, ra quyết định và xử lý tình huống	3.0
	Truyền cảm hứng và động lực cho nhóm	4.0
3.1.4	Nhận xét và phê bình trong nhóm	4.0
	Sử dụng thái độ và ngôn ngữ phù hợp trong nhận xét công việc	2.0
	Sử dụng thái độ và ngôn ngữ phù hợp khi phê bình người khác	3.0
	Sử dụng các biện pháp tâm lý thích hợp khi phê bình người khác	4.0
3.2	Giao tiếp	4.0
3.2.1	Xây dựng và duy trì quan hệ liên cá nhân	4.0
	Xây dựng và duy trì quan hệ với bạn bè đồng học	2.0
	Kết nối và xây dựng quan hệ với người cộng sự/đồng nghiệp	3.0
	Kết nối và xây dựng quan hệ giao tiếp với khách hàng	4.0
3.2.2	Giao tiếp bằng văn bản hiệu quả	4.0
	Viết biên bản, thông báo, báo cáo liên quan đến công việc theo mẫu sẵn	2.0
	Viết báo cáo cá nhân/nhóm (ngắn, nhóm nhỏ)	3.0
	Viết báo cáo theo quy cách học thuật	4.0
3.2.3	Giao tiếp hiệu quả qua các phương tiện điện tử	4.0

	Giao tiếp xã giao qua email và điện thoại đúng nghi thức và phù hợp với văn hoá	2.0
	Giao tiếp công việc qua email và điện thoại chuyên nghiệp	3.0
	Sử dụng thành thạo các phương tiện và các ứng dụng giao tiếp phổ biến qua môi trường máy tính và mạng máy tính	4.0
3.2.4	Giáo tiếp trực diện hiệu quả	4.0
	Giao tiếp xã giao thông thường đúng nghi thức và phù hợp với văn hoá	2.0
	Trao đổi, trình bày về công việc với người khác rõ ràng, dễ hiểu	3.0
	Thuyết trình và trả lời câu hỏi về công việc rõ ràng, dễ hiểu, chuyên nghiệp	4.0
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ	4.0
3.3.1	Tiếng Anh	4.0
3.3.2	Bằng ngoại ngữ chuyên ngành	4.0

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã số	Tên học phần	Mã học phần	Tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1				11	135	60	
Học phần bắt buộc				11	135	60	
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	

2	070022	Giáo dục quốc phòng	0101070022	8	90	30	
3	070354	Quản trị học	0101070354	2	30	0	
4	070405	Tin học văn phòng 1	0101070405	2	0	60	
5	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0101071642	2	30	0	
Học kỳ 2				11	135	60	
Học phần bắt buộc				11	135	60	
1	070002	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0101070002	3	45	0	070010(a)
2	070011	Pháp luật đại cương	0101070011	2	30	0	
3	070406	Tin học văn phòng 2	0101070406	2	0	60	070405(a)
4	071643	Tâm lý khách du lịch	0101071643	2	30	0	
5	072837	Xã hội học đại cương	0101072837	2	30	0	
Học kỳ 3				9	135	0	
Học phần bắt buộc				7	105	0	
1	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	070010(a)
2	070023	Giáo dục thể chất	0101070023	5	15	90	
3	071644	Tổng quan du lịch	0101071644	2	30	0	
4	073002	Quản trị Marketing 1	0101073002	3	45	0	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	071350	Logic học	0101071350	2	30	0	
2	071485	Tâm lý học đại cương	0101071485	2	30	0	
3	071491	Địa lý kinh tế Việt Nam	0101071491	2	30	0	
Học kỳ 4				14	150	120	
Học phần bắt buộc				12	135	90	

1	070407	Anh văn giao tiếp 1	0101070407	3	30	30	
2	071649	Quản trị lễ tân	0101071649	3	30	30	
3	073001	Quản trị chiến lược	0101073001	3	45	0	
4	073006	Quản trị quan hệ khách hàng	0101073006	3	30	30	
Học phần tự chọn				2	15	30	
1	072996	Phương pháp điền dã	0101072996	2	15	30	
2	073008	Quản trị tài chính	0101073008	2	15	30	
Học kỳ 5				13	120	150	
Học phần bắt buộc				11	105	120	
1	070408	Anh văn giao tiếp 2	0101070408	3	30	30	070407(a)
2	071651	Kỹ năng giao tiếp trong nhà hàng khách sạn	0101071651	3	30	30	
3	071657	Tiêu chí phân loại nhà hàng - khách sạn	0101071657	2	15	30	
4	073004	Quản trị nhân sự	0101073004	3	30	30	
Học phần tự chọn				2	15	30	
1	071647	Lịch sử văn hóa Việt Nam	0101071647	2	15	30	
2	072997	Tâm lý học lứa tuổi	0101072997	2	15	30	
3	072998	Phương pháp điều tra xã hội học	0101072998	2	15	30	
4	073003	Quản trị rủi ro	0101073003	2	15	30	
Học kỳ 6				12	120	120	
Học phần bắt buộc				12	120	120	
1	070409	TOEIC 1	0101070409	3	30	30	070408(a)

2	071653	Quản trị phòng	0101071653	3	30	30	
3	071655	Kỹ nghệ bán hàng lưu niệm	0101071655	3	30	30	
4	071656	Marketing trong nhà hàng khách sạn	0101071656	3	30	30	
Học kỳ 7				17	165	180	
Học phần bắt buộc				17	165	180	
1	070410	TOEIC 2	0101070410	3	30	30	070409(a)
2	071652	Quản trị ẩm thực	0101071652	3	30	30	
3	071654	Anh ngữ thực hành 1	0101071654	5	30	90	
4	071658	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	0101071658	3	30	30	
5	072093	Giao tiếp trong kinh doanh	0101072093	3	45	0	
Học kỳ 8				14	90	240	
Học phần bắt buộc				14	90	240	
1	070411	TOEIC 3	0101070411	3	30	30	070410(a)
2	071659	Anh ngữ thực hành 2	0101071659	5	30	90	
3	071660	Giao lưu với doanh nhân 1	0101071660	3	0	90	
4	073005	Quản trị dự án	0101073005	3	30	30	
Học kỳ 9				15	120	210	
Học phần bắt buộc				15	120	210	
1	070412	TOEIC 4	0101070412	3	30	30	070411(a)
2	071663	Giao lưu với doanh nhân 2	0101071663	3	0	90	
3	071664	Kỹ thuật pha chế thức uống	0101071664	3	30	30	

4	071665	Thủ tục xuất nhập cảnh	0101071665	3	30	30	
5	071671	Quản trị khu Resort	0101071671	3	30	30	
Học kỳ 10				16	105	270	
Học phần bắt buộc				8	30	180	
1	001799	TOEIC 5	0101001799	3	30	30	070412(a)
2	071661	Thực tập nhận thức	0101071661	5	0	150	
Học phần tự chọn				8	75	90	
1	071666	Kỹ năng điều phối hoạt động của nhà hàng	0101071666	2	15	30	
2	071667	Kỹ năng giải quyết các tình huống bất ngờ trong khách sạn	0101071667	2	15	30	
3	071668	Kỹ năng tổ chức MICE	0101071668	3	30	30	
4	071669	Lễ hội Việt Nam	0101071669	3	30	30	
5	071670	Quản trị khu du lịch dã ngoại	0101071670	3	30	30	
6	071672	Quản trị khu vui chơi	0101071672	3	30	30	
7	071673	Tâm lý học quản lý	0101071673	3	30	30	
8	071674	Tục đón Tết của các dân tộc ở Việt Nam	0101071674	2	30	0	
9	072094	Thanh toán quốc tế phi mậu dịch	0101072094	3	30	30	
10	072095	Công nghệ phục vụ bàn và quầy Bar	0101072095	3	30	30	
11	072096	Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả	0101072096	3	30	30	
Học kỳ 11				13	30	330	

Học phần bắt buộc				13	30	330	
1	071104	TOEIC 6	0101071104	3	30	30	001799(a)
2	071675	Thực tập tốt nghiệp	0101071675	5	0	150	
3	072983	Thực tập chuyên đề	0101072983	5	0	150	
Học kỳ 12				7	0	210	
Học phần bắt buộc				0	0	0	
Học phần tự chọn				7	0	210	
1	071676	Chuyên đề tốt nghiệp	0101071676	3	0	3	
2	071678	Khóa luận tốt nghiệp	0101071678	7	0	210	
3	072926	Đạo đức nghề nghiệp	0101072926	2	30	0	
4	072927	Quản trị quan hệ công chúng	0101072927	2	30	0	

V. MA TRẬN ITU GIỮA CÁC MÔN HỌC VÀ CHUẨN ĐẦU RA

NHÓM CHUẨN ĐẦU RA 2.1 ĐẾN 2.2

[illegible]

6	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam											
7	Pháp luật đại cương											
8	Tin học văn phòng 2											
9	Tâm lý khách du lịch								T 2			
10	Xã hội học đại cương								T 2		U 2	
11	Tư tưởng Hồ Chí Minh											
12	Giáo dục thể chất											
13	Tổng quan du lịch	T 2	T 2	U 2	T 2		T 2			T 3	T 1	
14	Quản trị Marketing 1	T 2	T 2	T 3	T 2	T 3	T 3	T 3	U2.0	T 2	T 2	
15	Logic học											
16	Tâm lý học đại cương								T 2			
17	Địa lý kinh tế Việt Nam											
18	Anh văn giao tiếp 1											
19	Quản trị lễ tân			T 2								U 2
20	Quản trị chiến lược	U 2	U 3	U 3	U 3	U 2	U 3	U 2	U 3	U 2	U 3	
21	Quản trị quan hệ khách hàng			U 3				U 3				
22	Phương pháp điền dã		U 3	U 2								U 2
23	Quản trị tài chính	T 2	T 3	T 3	T 3	U 2	U 3	U 2	U 3	U 2	U 3	
24	Anh văn giao tiếp 2			U 3								
25	Kỹ năng giao tiếp trong nhà hàng khách sạn			U 3								
26	Tiêu chí phân loại nhà hàng - khách sạn	U 3	U 3	U 3	I 2	U 3	U 3	U 3	T 3	T 2	U 3	

[illegible]

	thức uống										
48	Thủ tục xuất nhập cảnh										
49	Quản trị khu Resort	T 3	I 2	U 2	U 3	U 2	U 3	U 2	U 2	U 2	U 2
50	TOEIC 5										
51	Thực tập nhận thức										
52	Kỹ năng điều phối hoạt động của nhà hàng	U 2	U 2	U 2	U 3	U 2	U 3	U 2	U 2	U 2	U 2
53	Kỹ năng giải quyết các tình huống bất ngờ trong khách sạn										
54	Kỹ năng tổ chức MICE										
55	Lễ hội Việt Nam										
56	Quản trị khu du lịch dã ngoại	U 2	U 2	U 2	U 3	U 2	U 3	U 2	U 2	U 2	U 2
57	Quản trị khu vui chơi	U 2	U 2	U 2	U 3	U 2	U 3	U 2	U 2	U 2	U 2
58	Tâm lý học quản lý										
59	Tục đón Tết của các dân tộc ở Việt Nam										
60	Thanh toán quốc tế phi mậu dịch	U 2	U 2	U 3	U 2						
61	Công nghệ phục vụ bàn và quầy Bar										
62	Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả	U 2	U 2								
63	TOEIC 6										
64	Thực tập tốt nghiệp	U 2	U 2		U 2	U 3					U 3
65	Thực tập chuyên đề	U 2	U 2	T 2	U 2	U 3					U 3

66	Chuyên đề tốt nghiệp										
67	Khóa luận tốt nghiệp	U 2	U 2	T 2	U 2	U 3					U 3
68	Đạo đức nghề nghiệp										
69	Quản trị quan hệ công chúng										

NHÓM CHUẨN ĐẦU RA 2.3 ĐẾN 2.4

STT	MÔN HỌC	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.4.1	2.4.2	2.4.3
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin						
2	Giáo dục quốc phòng						
3	Quản trị học						
4	Tin học văn phòng 1						
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam						
6	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam						
7	Pháp luật đại cương						
8	Tin học văn phòng 2						
9	Tâm lý khách du lịch						
10	Xã hội học đại cương						
11	Tư tưởng Hồ Chí Minh						
12	Giáo dục thể chất						
13	Tổng quan du lịch						
14	Quản trị Marketing 1	T 2	U 3	T 2	I 2	U 4	
15	Logic học						
16	Tâm lý học đại cương						
17	Địa lý kinh tế Việt Nam						
18	Anh văn giao tiếp 1						

19	Quản trị lễ tân	U 2	T 2	U 1			
20	Quản trị chiến lược	U 2	U 2	U 2			U 2
21	Quản trị quan hệ khách hàng	T 2					
22	Phương pháp điền dã						
23	Quản trị tài chính	U 2	U 3	U 2	T 3	U 2	
24	Anh văn giao tiếp 2						
25	Kỹ năng giao tiếp trong nhà hàng khách sạn	U 2					
26	Tiêu chí phân loại nhà hàng - khách sạn						
27	Quản trị nhân sự	U 2	T 2				U 3
28	Lịch sử văn hóa Việt Nam						
29	Tâm lý học lứa tuổi						
30	Phương pháp điều tra xã hội học						
31	Quản trị rủi ro	U 2	U 3	U 2			
32	TOEIC 1						
33	Quản trị phòng						
34	Kỹ nghệ bán hàng lưu niệm	U 2	U 2	U 1			
35	Marketing trong nhà hàng khách sạn	U 3	U 2	U 2	T 2	T 3	T 2
36	TOEIC 2						
37	Quản trị ẩm thực						
38	Anh ngữ thực hành 1						
39	Văn hóa ẩm thực Việt Nam						
40	Giao tiếp trong kinh doanh						
41	TOEIC 3						
42	Anh ngữ thực hành 2						
43	Giao lưu với doanh nhân 1						

44	Quản trị dự án	U 2	U 1	T 3			
45	TOEIC 4						
46	Giao lưu với doanh nhân 2						
47	Kỹ thuật pha chế thức uống						
48	Thủ tục xuất nhập cảnh						U 3
49	Quản trị khu Resort	U 2	U 3	U 3	U 2	U 2	U 2
50	TOEIC 5						
51	Thực tập nhận thức	U 2	U 3	U 3	U 2	U 2	U 2
52	Kỹ năng điều phối hoạt động của nhà hàng	U 2	U 2	U 3	U 2	T 2	T 2
53	Kỹ năng giải quyết các tình huống bất ngờ trong khách sạn						
54	Kỹ năng tổ chức MICE						
55	Lễ hội Việt Nam						
56	Quản trị khu du lịch dã ngoại	U 2	U 3	U 3	U 2	U 2	U 2
57	Quản trị khu vui chơi	U 2	U 3	U 3	U 2	U 2	U 2
58	Tâm lý học quản lý						
59	Tục đón Tết của các dân tộc ở Việt Nam						
60	Thanh toán quốc tế phi mậu dịch						
61	Công nghệ phục vụ bàn và quầy Bar						
62	Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả						
63	TOEIC 6						
64	Thực tập tốt nghiệp						
65	Thực tập chuyên đề	U 2	U 3	U 3			
66	Chuyên đề tốt nghiệp						
67	Khóa luận tốt nghiệp						
68	Đạo đức nghề nghiệp						

69	Quản trị quan hệ công chúng						
----	-----------------------------	--	--	--	--	--	--

NHÓM CHUẨN ĐẦU RA 2.5 ĐẾN 2.6

STT	MÔN HỌC	2.5.1	2.5.2	2.5.3	2.5.4	2.6.1	2.6.2	2.6.3
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin							
2	Giáo dục quốc phòng							
3	Quản trị học							
4	Tin học văn phòng 1							
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam					U 1		U 2
6	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam							
7	Pháp luật đại cương							
8	Tin học văn phòng 2							
9	Tâm lý khách du lịch							
10	Xã hội học đại cương							
11	Tư tưởng Hồ Chí Minh							
12	Giáo dục thể chất							
13	Tổng quan du lịch							
14	Quản trị Marketing 1					U 3	U 3	T 3
15	Logic học							
16	Tâm lý học đại cương							
17	Địa lý kinh tế Việt Nam							
18	Anh văn giao tiếp 1							
19	Quản trị lễ tân	U 3				U 3	U 3	U 2
20	Quản trị chiến lược					U 2	U 3	U 3
21	Quản trị quan hệ khách hàng							U 3

22	Phương pháp điền dã							
23	Quản trị tài chính						U 3	U 2
24	Anh văn giao tiếp 2							
25	Kỹ năng giao tiếp trong nhà hàng khách sạn							
26	Tiêu chí phân loại nhà hàng – khách sạn					U 2	U 3	
27	Quản trị nhân sự					U 2	U 3	U 3
28	Lịch sử văn hóa Việt Nam							
29	Tâm lý học lứa tuổi							
30	Phương pháp điều tra xã hội học					U 3	U 2	U 3
31	Quản trị rủi ro						U 2	T 2
32	TOEIC 1							
33	Quản trị phòng		U 3				U 3	
34	Kỹ nghệ bán hàng lưu niệm					U 2		
35	Marketing trong nhà hàng khách sạn					U 2	U 3	T 2
36	TOEIC 2							
37	Quản trị ẩm thực							
38	Anh ngữ thực hành 1							
39	Văn hóa ẩm thực Việt Nam							
40	Giao tiếp trong kinh doanh					T 3	U 2	U 3
41	TOEIC 3							
42	Anh ngữ thực hành 2							
43	Giao lưu với doanh nhân 1					U 1		
44	Quản trị dự án					U 2	U 2	U 3
45	TOEIC 4							

46	Giao lưu với doanh nhân 2							
47	Kỹ thuật pha chế thức uống							
48	Thủ tục xuất nhập cảnh					U 2	T 2	U 3
49	Quản trị khu Resort					U 2	U 2	U 3
50	TOEIC 5							
51	Thực tập nhận thức							
52	Kỹ năng điều phối hoạt động của nhà hàng							
53	Kỹ năng giải quyết các tình huống bất ngờ trong khách sạn							
54	Kỹ năng tổ chức MICE					U 3	U 2	U 2
55	Lễ hội Việt Nam					U 3	U 2	U 2
56	Quản trị khu du lịch dã ngoại					U 2	U 2	
57	Quản trị khu vui chơi					U 2	U 2	
58	Tâm lý học quản lý					U 3	U 2	
59	Tục đón Tết của các dân tộc ở Việt Nam							
60	Thanh toán quốc tế phi mậu dịch					U 2	U 2	U 3
61	Công nghệ phục vụ bàn và quầy Bar					U 2	U 2	
62	Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả					U 2	U 2	
63	TOEIC 6							
64	Thực tập tốt nghiệp					U 2	U 2	U 3
65	Thực tập chuyên đề					U 2	U 2	U 3
66	Chuyên đề tốt nghiệp					U 2	U 2	U 3
67	Khóa luận tốt nghiệp					U 2	U 2	U 3
68	Đạo đức nghề nghiệp							
69	Quản trị quan hệ công chúng							

NHÓM CHUẨN ĐẦU RA 3.1 ĐẾN 3.3

STT	MÔN HỌC	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.3.1	3.3.2
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin										
2	Giáo dục quốc phòng										
3	Quản trị học										
4	Tin học văn phòng 1							U 3			
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	U 2	U 3	U 2	U 2	U 2	U 2				
6	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam										
7	Pháp luật đại cương										
8	Tin học văn phòng 2							U 3			
9	Tâm lý khách du lịch										
10	Xã hội học đại cương	U 2	U 2	U 2	U 3	U 2	U 2				
11	Tư tưởng Hồ Chí Minh										
12	Giáo dục thể chất										
13	Tổng quan du lịch	U 3	U 3	U 2	U 2						
14	Quản trị Marketing 1	U 3	U 3	U 2	U 2	U 3	U 3	U 3	U 3		
15	Logic học										
16	Tâm lý học đại cương										
17	Địa lý kinh tế Việt Nam										
18	Anh văn giao tiếp 1									U 3	U 2
19	Quản trị lễ tân	U 3	U 3	U 3	U 3	U 2	U 2	U 3	U 3		
20	Quản trị chiến lược	T 2	T 2	T 2		U 2	U 3	U 2			

21	Quản trị quan hệ khách hàng	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2	U 3	U 3	U 3		
22	Phương pháp điều dưỡng	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
23	Quản trị tài chính	T 2	U 2	T 3	U 2	T 2	U 1	U 2	U 2		
24	Anh văn giao tiếp 2						U 3	U 3	U 3	U 3	U 3
25	Kỹ năng giao tiếp trong nhà hàng khách sạn	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2	U 3	U 3	U 3		
26	Tiêu chí phân loại nhà hàng - khách sạn						U 2		T 2		
27	Quản trị nhân sự	U 2	U 2	U 3	U 3	U 2	U 3	U 3	U 3		
28	Lịch sử văn hóa Việt Nam	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
29	Tâm lý học lứa tuổi										
30	Phương pháp điều tra xã hội học	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
31	Quản trị rủi ro	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
32	TOEIC 1									U 2	U 2
33	Quản trị phòng	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
34	Kỹ nghệ bán hàng lưu niệm	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
35	Marketing trong nhà hàng khách sạn	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
36	TOEIC 2	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2				U 2	U 3
37	Quản trị ẩm thực	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
38	Anh ngữ thực hành 1	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
39	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
40	Giao tiếp trong kinh doanh	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					

41	TOEIC 3									U 2	U 3
42	Anh ngữ thực hành 2	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
43	Giao lưu với doanh nhân 1					U 2	T 3	U 2	U 3		
44	Quản trị dự án	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
45	TOEIC 4					U 2	T 3	U 2	U 3	U 2	U 3
46	Giao lưu với doanh nhân 2										
47	Kỹ thuật pha chế thức uống										
48	Thủ tục xuất nhập cảnh	U 2	U 2	U 2	U 2	U 2					
49	Quản trị khu Resort	U 2	U 2	U 3	U 3	U 2	U 3	U 3	U 3		
50	TOEIC 5					U 2	T 3	U 2	U 3	U 2	U 3
51	Thực tập nhận thức										
52	Kỹ năng điều phối hoạt động của nhà hàng	U 2	U 2	U 3	U 3	U 2	U 3	U 3	U 3		
53	Kỹ năng giải quyết các tình huống bất ngờ trong khách sạn	U 2	U 2	U 3	U 3	U 3	U 3	U 3	U 3		
54	Kỹ năng tổ chức MICE	U 3	U 3	U 2	U 3	U 2	U 3	U 3	U 3		
55	Lễ hội Việt Nam						U 3	U 3	U 3		
56	Quản trị khu du lịch dã ngoại	U 3	U 3	U 2	U 3	U 2	U 3	U 3	U 3		
57	Quản trị khu vui chơi	U 3	U 3	U 2	U 3	U 2	U 3	U 3	U 3		
58	Tâm lý học quản lý										
59	Tục đón Tết của các dân tộc ở Việt Nam										
60	Thanh toán quốc tế phi mậu dịch	U 3	U 3	U 2	U 3	U 2	U 3	U 3	U 3		

61	Công nghệ phục vụ bàn và quầy Bar	U 3	U 3	U 2	U 3	U 2	U 3	U 3	U3		
62	Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả	U 3	U 3	U 2	U 3	U 2	U 3	U 3	U3		
63	TOEIC 6					U 2	T 3	U 2	U 3	U 2	U 3
64	Thực tập tốt nghiệp						U 3	U 3	U3		
65	Thực tập chuyên đề						U 3	U 3	U3		
66	Chuyên đề tốt nghiệp	U 3	U 3	U 2	U 3	U 2	U 3	U 3	U3		
67	Khóa luận tốt nghiệp						U 3	U 3	U3		
68	Đạo đức nghề nghiệp						U 3	U 3	U3		
69	Quản trị quan hệ công chúng						U 3	U 3	U3		

KHOA DU LỊCH VÀ VIỆT NAM HỌC



ThS. Phan Thị Ngân